CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 06280/2025/PKQ/25.3777

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG AN PHÁT
Địa chỉ : Tầng 6, LK5.1, khu nhà ở liền kề Hải Ngân, thôn Nội, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH VIỆT MỸ NAM ĐỊNH - Lô N5, đường D6, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Vị trí lấy mẫu : - NT.230525-015- Nước thải tại hố ga cuối sau hệ thống xử lý trước khi thải ra ngoài khu công nghiệp, tọa độ: X=2259176, Y=566467 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 23/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 10/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT	Cột B
1	Nhiệt độ(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	27,4	*40*
2	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	7,31	*5,5 ÷ 9*
3	Chì(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	*0,5*
4	Tổng phenol(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL=0,001)	*0,5*
5	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,1)	*10*
6	Clo dư(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	KPH (MDL=0,1)	*2*
7	COD(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16	*150*
8	BOD_5 (20°C)(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6,4	*50*
9	TSS(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	8,2	*100*
10	Sunfua (H_2S)(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	*0,5*
11	Amoni (tính theo N)(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=0,4)	*10*
12	Tổng Nitơ(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,6	*40*
13	Tổng phosphor (Tổng P)(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,04	*6*
14	Tổng Coliforms(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	$7,8\times10^2$	*5.000*
15	Sắt(b)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,08	*5*
16	Độ màu(b)	Pt-Co	TCVN 6185.C:2015	41,2	*150*

Ghi chú:

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Được quét bằng CamScanner

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Quy chuẩn so sánh: **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Được quét bằng CamScanner